

ĂN CHAY



HT. Thiên Tâm
(Phật Học Tinh Yếu)

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Tiết I - Ý Nghĩa Của Sự Ăn Chay

- 1- Vì lòng thương xót chúng sanh
- 2- Vì tránh ác báo của nghiệp sát
- 3- Vì muốn dứt tâm tham nhiễm nơi vị trần
- 4- Vì để cho thân tâm nhẹ nhàng, dễ thật hành trên đường tu

Tiết II - Những Ngày Chay

Tiết III - Lời Phật Dạy Về Sự Đoạn Nhục Thực

Tiết IV - Mấy Lời Khuyên Của Cổ Đức

---o0o---

***Kinh sách trích dẫn:** -Kinh Lăng Già, Kinh Ương Quật Ma, Kinh Niết Bàn, Kinh Tứ Thiên Vương, Luận Trí Độ, Kinh Địa Tạng, Kinh Phạm Võng, Kinh Đề Vị, Tư Trì Ký, An Sĩ Toàn Thư, Tuyên Luật Sư Cảm Ứng ký.*

---o0o---

Tiết I - Ý Nghĩa Của Sự Ăn Chay

Đề yếu: - Ở Việt Nam, không những Phật giáo, mà trong các tôn giáo khác cũng có nhiều người ăn chay. Riêng về đạo Phật, tuy phần đông đều

dùng chay lạt, song ít ai hiểu xác đáng sự lý của việc này. Về phần sự, có người ăn chay kỳ không đúng ngày tháng, hoặc không kiêng cử hành, họ, tỏi, kiệu, có kẻ lại gia vị vào các thứ như tôm khô, hào khô. Do đó nên công đức không được toàn vẹn. Về phần lý, nhiều người không hiểu nguyên do chánh đáng của việc ăn chay, hoặc lầm tin theo tà thuyết, hay tưởng ăn chay nhiều là tu nhiều rồi sanh lòng ngã mạn. Do chỗ phát tâm không chánh ấy, nên kết cuộc sự thật hành cũng không bền. Ngoài ra, có vị đem lòng nghi cho thuyết ăn chay là do tập tục của Trung Hoa đặt ra, chớ không phải chính Phật nói, bằng có là những vị ở các xứ thuộc Nam tông Phật giáo vẫn ăn mặn mà cũng chứng thánh quả. Sở dĩ có mối nghi đó, là vì họ chưa hiểu rõ nghĩa phương tiện của Nhị thừa và nghĩa chân thật của Đại thừa. Lại có người nghi rằng: có lẽ khi xưa Phật cũng ăn mặn, vì khi đi khất thực, dân chúng cúng thức gì dùng thức ấy, tại sao ta bắt buộc phải ăn chay? - Xin đừng đem tâm chúng sanh mà trắc lượng việc ấy, vì chúng ta là phàm phu không thể sánh với Phật là bậc đại giải thoát, có đầy đủ thân thông phương tiện trong khi hóa độ hữu tình. Vả lại, trong các kinh liễu nghĩa, đức Thế Tôn đã nêu rõ nguyên nhân hợp tình lý của sự không dùng huyết nhục, khuyên bảo đệ tử nên dùng chất thanh đạm, thì ta cứ y theo lẽ phải và lời Phật dạy mà thật hành. Hơn nữa, theo kinh Ương Quật Ma, thì chẳng những riêng đức Thích Ca, mà tất cả chư Phật đều không dùng huyết nhục.

Để giúp người học Phật trên phương diện tiến tu, trong đây trình bày các sự lý, lời khuyên của Như Lai cùng cổ đức về việc ăn chay, giới sát, phóng sanh. Mong rằng các mục nơi bản chương có thể đem lại cho duyệt giả những điều hữu ích.

---o0o---

Tiết I - Ý Nghĩa Của Sự Ăn Chay

Theo quan niệm phổ thông của hàng Phật tử Việt Nam, ăn chay là dùng những chất thanh đạm, không ăn cá thịt và các thứ hôi nồng thuộc về loại ngũ tân (hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ). Nếu dùng cá thịt và ngũ tân, người ta gọi là ăn mặn. Nhưng thật ra, chữ "Chay" nói trại là nguyên âm "Trai" và Trai có nghĩa là Trung hoặc Thời thực. Trung hay Thời thực là dùng bữa giữa ngày vào giờ Ngọ, nếu ăn quá ngọ gọi là phi thời thực. Còn dùng chất thanh đạm, nên gọi là "tố thực", nghĩa là "ăn lại", mới xác đáng hơn. Tuy nhiên, chữ Trai dịch từ Phạm âm Ô ba va sa tha (Upavasatha), lại có nghĩa là "thanh tịnh". Và bởi ăn lại cũng có tánh cách làm cho thân tâm con người nhẹ nhàng thanh tịnh, nên bên Đại thừa giáo mới chuyển lần ý

nghĩa Tố thực xem đồng với Trai thực. Vậy tiếng "Chay" tuy không hoàn toàn xác đáng với nguyên ủy của nó, nhưng cũng có một phần nào ý nghĩa, nên bút giả xin dùng danh từ này với ý dùng chất thanh đạm cho hợp với quan niệm phổ thông của Phật tử Việt Nam.

Phần đông Phật tử không hiểu xác đáng ý nghĩa ăn chay, nếu có hỏi duyên do thì trả lời một cách đại khái: "Tôi ăn chay để tập lần tánh nết cho thêm bình tĩnh hiền lương". Lại có những lời đồn huyền bảo: "Ăn chay sẽ khỏi tai nạn bom nguyên tử, ho?c ma vương s?p ra d?i, hay sắp tận thế, ai không ăn chay sẽ bị chết hết, không được dự hội Long Hoa". Những truyền thuyết như trên đều không có căn bản, làm cho nhiều người cố tỵ ép ăn chay một cách gượng gượng, kết cuộc qua một thời gian rồi cũng thôi bỏ. Theo Phật giáo, ăn chay có những ý nghĩa như sau:

---o0o---

1- Vì lòng thương xót chúng sanh

Đã là loại hữu tình, loài nào cũng biết đau đớn buồn khổ và ham sống sợ chết, trừ những duyên có riêng biệt. Chính mình khi bị vấp ngã hay đứt tay một chút, còn cảm thấy đau đớn, huống chi là cảnh đâm chém, đập giết, thiêu nướng, xẻ thịt, banh da! Như thế tại sao ta lại nở an nhiên vui vẻ, ăn uống trên sự đau khổ vô hạn của chúng sanh? Chính mình khi s?p b? gi?t đã khóc thương s? hãi, ho?c ngu?i thân b? gi?t thì cũng xót xa, oán hận, đau buồn! Như thế tại sao ta lại nở làm cho chúng sanh khác sợ hãi đau thương lúc sắp bị giết, bị chia ly cùng quyến thuộc? Đức Phật là đáng đại từ bi, nên người con Phật thể theo lòng từ bi đó mà ăn chay, để tránh việc trực tiếp hoặc gián tiếp sát sanh đầy thâm hiểm. Trong kinh Lăng Già, đức Thế Tôn bảo Đại Huệ Bồ Tát: "Những người ăn thịt đoạn hết hạt giống đại từ. Ta xem chúng sanh luân h?i trong sáu n?o, d?i d?i làm cha m? anh em chồng vợ con cái lẫn nhau. Chúng sanh ăn thịt nhau, toàn là ăn thịt lục thân quyến thuộc của mình. Thế mà loài hữu tình mơ màng không biết, thường sanh lòng giết hại, làm cho nghiệp khổ thêm lớn, khiến nên mãi bị lưu chuyển trong đường sanh tử, không du?c thoát ly. K? không an th?t, s? du?c vô lượng công đức tụ. Nếu tất cả mọi người không ăn thịt, thì không ai giết hại chúng sanh. Do có người ăn thịt tìm hỏi để mua, nên mới có kẻ vì cầu tài lợi giết chúng sanh để bán. Cho nên kẻ ăn thịt cùng người giết chúng sanh để bán thịt, cả hai đều có tội".

---o0o---

2- Vì tránh ác báo của nghiệp sát

Bởi tham miếng ngon, nên con người mới tạo nghiệp giết hại. Nhưng vì vô minh che lấp, không rõ thấu lý nhân quả, nên kẻ gây nghiệp sát đâu biết hành vi đó trở lại làm khổ chính mình. Theo lý nhân quả trong kinh, người tạo sát nghiệp, như nặng tất bị đọa vào tam đồ, nhẹ thì phải chịu nhiều đau bệnh, hoặc chết yểu, cùng sự khổ nạn về chiến tranh. Kinh Niết Bàn nói: "Tội sát sanh có ba bậc: thượng, trung, hạ. Nghiệp sát bậc hạ, là giết từ loài kiến cho đến tất cả bàng sanh. Người tạo tội này phải bị đọa vào tam đồ, chịu sự khổ về bậc hạ. Tại sao thế? Bởi loài nhỏ dù là con kiến, con muỗi cũng có chút căn lành, nếu giết nó thì phải chịu tội báo. Nghiệp sát bậc trung là giết từ phạm phu trong loài người cho đến bậc A Na Hàm. Người tạo tội này phải bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, chịu sự khổ về bậc trung. Nghiệp sát bậc thượng là giết từ cha mẹ cho đến bậc A La Hán, Bích Chi Phật. Người tạo tội này, phải bị đọa vào đại địa ngục A Tỳ, chịu sự khổ về bậc thượng".

---o0o---

3- Vì muốn dứt tâm tham nhiễm nơi vị trần

Trong mười pháp giới, nêu nói tóm tắt, duy có hai nẻo: phàm và thánh. Phàm phu tâm còn nhiễm ô phiền não, chư thánh tâm hằng sáng sạch lặng trong. Bởi thế cho nên hàng Phật tử muốn vượt phàm lên thánh, thoát nỗi khổ luân hồi, phải bỏ nhiễm về tịnh. Mà muốn được tịnh tâm, phải ngăn ngừa đừng cho sáu căn nhiễm sáu trần. Người nào ăn chay mà cảm thấy khó khăn, đó bởi do còn thích món ăn ngon, nghĩa là thiết căn còn nhiễm vị trần. Vì thế, muốn dễ được tịnh tâm, người Phật tử nên tập lần từ ăn chay kỳ đến chay trường.

Có kẻ hỏi: - Tại sao bên Phật giáo Nam tông vẫn còn ăn mặn? Và nếu không thanh tịnh, tại sao những vị bên phái ấy lại chứng thánh quả? Xin đáp: - Đức Phật vì tùy hoàn cảnh căn cơ, trong khi nói giáo pháp Nhị thừa, phương tiện tạm mở cho ăn ngũ tịnh nhục (không thấy giết, không nghe giết, không nghi giết, thịt con thú tự chết, thịt loài thú khác ăn còn dư). Nhưng đến khi thuyết qua giáo nghĩa Đại thừa, ngài lại triệt để cấm dùng đồ huyết nhục, vì lẽ mất lòng từ bi bình đẳng, và gây nhân vay trả luân hồi. Như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn còn khuyên không nên dùng đồ bằng da, bởi còn thọ dụng một thân phần của chúng sanh tức là còn mắc nợ nó, huống chi là thường ăn thịt? Trong kinh Ương Quật Ma, ngài Văn Thù Bồ Tát thưa: "Bạch Thế Tôn! Phải chăng nhân vì Như Lai tạng, nên chư Phật

không ăn thịt? Đức Phật bảo: "Này Văn Thù! Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến nay sống chết luân hồi từng cùng làm lục thân quyến thuộc, thay đổi vô thường cũng như trò hát. Thân mình và thân loài khác đồng là chất huyết nhục, vì thế nên chư Phật không ăn thịt. Lại nữa, chúng sanh giới tức là ngã giới, thịt loài khác chính là thịt của mình, nên chư Như Lai không ăn thịt. Này Văn Thù! Như con bò tự chết, người chủ dùng da nó làm giày dép đem bố thí kẻ giữ giới. Như bậc giữ giới không thọ tức là pháp Tỷ khuru; nếu thọ thì tuy không phải phá giới, song thiếu tâm từ bi. Cho nên, không thọ dụng thân phần của hữu tình, tức là lần lượt li nhân duyên sát sanh vậy". Đời Đường bên Trung Hoa, Đạo Tuyên luật sư giữ giới tinh nghiêm, nên chư thiên thường hiện thân ủng hộ. Cứ theo bộ Tuyên Luật Sư Cảm Ứng Ký, Tứ thiên vương thưa với Tuyên sư rằng: "Thuở đức Như Lai còn ở đời, một hôm ngài phóng ánh sáng lớn bảo các thiên, long, qui, thần: - Sau thời chánh pháp diệt tận, có nhiều vị Tỷ khuru chấp theo giáo tích Tiểu thừa của ta, không hiểu ý nghĩa Tỳ ni, bảo rằng ta cho các Sa môn ăn thịt. Vì thế, trong tăng già lam hiện ra cảnh tượng sát sanh cũng như lò thịt. Lại có các vị Tỷ khuru mặc đồ tơ lụa gàn gỏi nơi quán rượu dâm xá, không học ba tạng, chẳng giữ cấm giới, làm cho đạo pháp ta suy vi, thật đáng thương xót! Nên biết từ vô lượng kiếp đến nay, ta tu Bồ Tát hạnh đã xả bỏ đầu, mắt, tủy, não, vì tâm từ bi không tiếc thân mạng để bố thí cho loài hữu tình, có lẽ nào lại bảo đệ tử mình ăn thịt chúng sanh? Ta niết bàn rồi, các Tỷ khuru thay thế ta làm thầy trời người dẫn dạy hữu tình khiến cho đắc đạo quả; có lẽ nào bậc thiên nhơn sư mà lại ăn thịt chúng sanh ư? Khi ta mới thành đạo, tuy trong luật có mở ra cho ăn năm thứ tịnh nhục, nhưng đó không phải thật là thịt của bốn loài, mà là thịt do sức thiên định bất tư nghì của ta biến hóa ra. Trong các kinh Niết Bàn, Lăng Già, ta không cho người trì giới ăn thịt. Nếu có Tỷ khuru nào bảo rằng trong Tỳ ni giáo, Phật cho ăn cá thịt, cho mặc áo tơ lụa, đó là lời ma thuyết, là phỉ báng ta!" Lời Phật đã dạy như thế, nếu ăn thịt cá mà không trước nhiệm cũng có thể chứng quả thánh như các vị bên Nam tông đã tu chứng. Nhưng nếu so hai phương diện ăn chay và mặn, thì ăn chay dễ đoạn nhiễm tâm hơn; đến như về nghĩa từ bi bình đẳng, bên ăn chay lại hoàn toàn hợp lý. Thế nên biết giáo nghĩa Nhị thừa chỉ là phương tiện tạm thời, giáo nghĩa Đại thừa mới là chân thật cứu cánh. Vậy người tu nên hướng theo lẽ phải và xét lại năng lực của mình, đừng quá cầu cao tự cho là bậc viên dung tự tại, vội nói câu "Tửu nhục xuyên trường quá. Bất ngại bồ đề đạo" (Chát rượu thịt ăn vào cũng ra ngoài, không ngại chi đến sự giải thoát cả) mà lâm.

4- Vì để cho thân tâm nhẹ nhàng, để thật hành trên đường tu

Ăn chay nếu đúng cách thì hợp với vệ sinh, và khiến cho thân tâm thanh tịnh nhẹ nhàng thuận tiện trên đường tu tập. So lại thì khi dùng mặn, ta cảm thấy trong người nặng nề mệt nhọc, chất ăn khó tiêu hơn. Các nhà bác học hữu danh đông tây đã công nhận lẽ đó. Như ông Sénèque, một triết gia, đã nói: "Mỗi bữa ăn, người ta dùng thịt là tự đầu độc, thành thử con người tự sát ngấm ngấm mà không hay. Do đó loài người bị nhiều bệnh mà chết sớm". Những y khoa bác sĩ trứ danh như các ông: Soteyko, Varia Kiplami cũng bảo: "Trong các thứ thịt có nhiều chất độc rất nguy hiểm cho sức khỏe con người". Và bà White, nhà nữ bác học, sau một cuộc thí nghiệm đã tuyên bố: "Các thứ hột, trái cây, đậu và rau cải là những thức ăn mà thiên nhiên đã dành để nuôi chúng ta. Các thức ấy chỉ cần nấu nướng một cách đơn giản, thì ăn vào hợp vệ sinh và rất bổ. Nó làm cho con người thân thể tráng kiện, tinh thần sáng suốt và tránh được biết bao nhiêu là bệnh tật!" Chất máu thịt vốn là uế trược, hơn nữa loài thú khi bị giết sanh lòng uất hận, độc khí lưu trữ vào tế bào, hoặc gặp nhằm những con vật mang bệnh, như bệnh lao, bệnh sán..., nếu người ăn vào làm sao khỏi sanh đau yếu?

Có vị hỏi: - Nếu ăn chay cũng đủ sanh tố, tại sao tôi thường thấy người ăn chay trường phần nhiều đều có vẻ xanh và gầy? Xin đáp: - Đó là do nhiều nguyên nhân khác biệt, không phải lỗi ở sự ăn chay; chẳng hạn như vấn đề tâm lý, hoặc không biết cách thức dùng chay. Về tâm lý, như có người ăn chay với tánh cách gắng gượng, mãi thèm những đồ mặn, lầm nghĩ rằng ăn chay thiếu sức khỏe, thường đem lòng lo lắng e ngại. Hoặc có người tu, mà chưa diệt được niệm tưởng mơ sắc dục, hoặc làm việc suy nghĩ quá nhiều. Những tâm trạng ấy có ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe, bằng chứng như ta thường thấy người nào trải qua một đêm lo nghĩ, sáng ra gương mặt họ hiện rõ vẻ tiêu tụy bơ phờ. Về việc không biết cách dùng chay, như những người vì lỡ phát nguyện, nên ăn chay một cách bắt buộc lấy có, chỉ dùng tương chao, ít lát dưa, hoặc muối sả ớt cho qua bữa. Hơn nữa nhiều người quan niệm tu là phải khổ hạnh, nên không mấy chú ý đến việc ăn uống; hoặc kho đầu củ cải, vỏ dưa, chiên xơ mít, hay làm những thức ăn giống đồ mặn rất công phu, song thật sự không có bao nhiêu chất bổ. Ngoài ra, tập tục của các chùa Việt Nam thiên về sự tụng niệm cúng lễ, thường khi liên cả đêm ngày. Sự sanh hoạt của Phật giáo Việt Nam lại nghèo, chư tăng ni thiếu phương tiện học tập, phải dùng sức quá nhiều, nên vị nào khi học thành tài hầu hết đều suy gầy đau yếu. Đó là đại lược những nguyên do khiến cho người tu thường kém sức khỏe, chẳng phải lỗi ở nơi không ăn cá thịt. Nếu ăn chay mà hợp cách, với lòng hiểu đạo hoan hỷ, và

đường lối tu không thái quá bất cập, thì đã ít bệnh tật, lại thêm có lợi ích cho thân tâm.

Tóm lại, ý nghĩa của ăn chay là vì lòng từ bi, vì tránh ác báo, vì lìa trần nhiễm, vì thuận ích cho đường tu. Nếu lập cơ bản nơi bốn điểm này mà dùng chay, thì sự thật hành sẽ bền và tăng thêm phước huệ. Như trái với cơ bản đó, tất việc làm chỉ có tánh cách thời gian, khó bền bỉ, kết cuộc không được lợi ích gì thiết thật trên đường tu.

---o0o---

Tiết II - Những Ngày Chay

Ăn chay có hai phương diện: chay kỳ và chay trường. Ăn chay trường hay trường trai là hành giả tự nguyện suốt đời dùng chất thanh đạm, không thọ dụng đồ huyết nhục. Ăn chay kỳ thì có những thuyết: Nhị trai, Tứ trai, Lục trai, Thập trai, Nhứt nguyệt trai, Tam nguyệt trai.

Nhị trai là ăn chay mỗi tháng hai lần vào ngày mùng một và rằm. Tứ trai là ăn bốn lần chay trong tháng, vào ngày mùng một, mùng tám, rằm, hăm ba (hoặc ba mươi, mùng một, mười bốn, rằm). Nhứt nguyệt trai là ăn chay luôn trong một tháng, vào tháng giêng, tháng bảy, hay tháng mười. Cách thức ăn chay như trên, thật ra không có điển cứ, chẳng qua là bước tập lần để đi đến trường trai mà thôi. Bởi ăn chay dù rằng hữu ích và hợp lý, nhưng cũng tùy theo hoàn cảnh và căn cơ, không phải người Phật tử nào cũng có thể bỏ ăn mặn liền trong một lúc được. Vì muốn đạt mục đích trường trai, có người không y theo lệ trên, mỗi tháng tập ăn chay từ năm, mười, mười lăm ngày, lần lần cho đến trọn tháng.

Lục trai là ăn chay trong các ngày mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30 (tháng thiếu 28, 29). Theo kinh Tứ Thiên Vương thì vào những ngày đó, Tứ Thiên Vương xem xét việc lành dữ của nhơn gian, và các ác quỷ cũng rình rập chờ người làm ác để gia hại. Nên trong mấy ngày ấy, mọi người cần phải giữ gìn ba nghiệp không nên làm ác. Thêm vào đây, nếu kẻ nào biết trì trai, giữ giới, tụng kinh, tu phước, sẽ được tránh khỏi nạn tai, tăng phần phước huệ. Luận Trí Độ nói: "Tại sao trong sáu ngày trai, cần phải thọ tám giới và tu phước? Bởi vào các ngày ấy ác quỷ rình theo người muốn gia hại, gây những việc tật bệnh hung suy. Vì thế nên thuở kiếp sơ, trong mấy ngày đó, thánh nhơn dạy người trì trai, tu phước, làm lành. Nhưng cách trì trai khi xưa chỉ lấy trọn ngày không ăn, gọi là trai. Đến khi Phật ra đời, chế lại cho thọ Bát quan trai giới trong một ngày đêm, và lấy quá Ngọ không ăn làm

tra. Đức Thế Tôn đã bảo: - Nên như chư Phật, thọ trì tám giới và không ăn quá Ngọ trong một ngày đêm. Công đức ấy sẽ đưa người mau đến niết bàn!"

Thập trai là ăn chay mười ngày trong mỗi tháng. Kinh Địa Tạng, phẩm Như Lai Tán Thán nói: "Này Phổ Quảng! Trong các ngày: mùng 1, mùng 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30 (tháng thiếu 27, 28, 29) của mỗi tháng, các tội được kết tập để định phần khinh trọng. Nếu chúng sanh đời sau, vào mười ngày trai, đối trước tượng Phật, Bồ Tát, Hiền, Thánh, tụng kinh này một biến, thì mỗi phương đông, tây, nam, bắc, trong vòng 100 do tuần, không các tai nạn".

Tam nguyệt trai là ăn chay trong tháng giêng, tháng năm, tháng chín. Thuyết này phát xuất trong các phạm điển như: kinh Phạm Võng, kinh Đề Vị, bộ Hành Sự Sao Tư Trì Ký. Kinh Phạm Võng nói: "Trong sáu ngày trai và ba tháng trường trai, nếu sát sanh, trộm cướp, phá trai, phạm giới, phạm tội khinh cầu (đối với người thọ giới Bồ Tát). Kinh Đề Vị bảo: "Vào ngày mùng một tháng giêng, mùng một tháng năm, mùng một tháng chín, chư thiên Đế Thích, Thái tử sứ giả, nhật nguyệt quỷ thần, Diêm La ở địa ngục, trăm vạn chư thần an bố khắp nơi. Vì trừ tội danh, định phước lộc, mọi người cần trì trai trong ba tháng ấy". Trong Tư Trì Ký cũng có nói: "Trong tháng giêng, tháng năm, tháng chín, nghiệp cảnh ở cõi u minh theo vòng xoay chiếu đến châu Nam Thiệm Bộ. Người đời có bao nhiêu việc thiện ác, thấy đều hiện bóng rõ trong gương. Lại trong mấy tháng đó, Tứ thiên vương tuần thú đến Nam Châu, cũng là lúc ác quỷ đắc thế, vì vậy nên phải trì trai, tu phước".

Theo như trên, thì thuyết Lục trai, Thập trai và Tam nguyệt trai đều có điểm cứ. Nhưng để cho đúng với nghĩa trai, thì trong các ngày tháng ấy chẳng những ăn lạt, mà còn phải không ăn quá Ngọ mới phù hợp lời Phật dạy, và có lẽ được nhiều công đức hơn. Lại theo kinh Phạm Võng, đức Phật bảo không nên dùng ngũ tân gia vị vào thức ăn, vì những thứ ấy làm cho thân thể hôi và dễ sanh các phiền não như ái dục, sân hận... Như thế thì muốn cho sự tu phước thêm phần toàn vẹn, vào ngày Lục trai hay Thập trai, người Phật tử nên thọ trì Bát quan trai giới, song phải ăn lạt và không dùng ngũ vị tân. Thọ trì Bát quan trai giới là giữ tám giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không trang điểm, không tự hành và cố ý xem nghe ca múa âm nhạc, không ngồi nằm chỗ cao rộng sang đẹp; và giữ một phép trai là không ăn quá Ngọ. Tám điều trước duy thuộc về giới, vì có công năng đóng ngăn cửa ác, nên gọi là Bát quan. Một điều sau gồm nghĩa trai và giới mà trai là phần chánh, nên mới

thêm chữ "trai" sau hai chữ Bát quan. Như thế, tổng hợp lại chín điều gọi là Bát quan trai giới. Và đây là nghĩa giải thích của Trí Độ Luận.

Về việc trong những ngày tháng Lục trai, Tam nguyệt trai ác quỷ đặc thế, có thuyết nói vào thời gian ấy các ngoại giáo bên Ấn Độ thường theo thông lệ giết sanh vật cúng tế thần linh, hoặc cắt lấy máu thịt nơi thân để làm phép hộ ma. Và bởi duyên có đó, những ác quỷ cũng y theo lệ mà đi tìm ăn đồ huyết nhục. Do sự kiện này, vào các ngày trên, đức Phật khuyên đồ chúng nên giữ trai giới không được sát sanh, để phản ảnh phong thái từ bi của thánh đạo. Nếu quả như thế thì sự ăn lạt vào các ngày trai lại càng hợp lý hơn.

Ăn chay đã vâng giữ theo lời Phật dạy, có lợi ích, hợp tình lý như trên, thì tất cả Phật tử đều nên tùy hoàn cảnh, khả năng tập lần, để tiến bước lên đường phước huệ. Điều cần yếu là khi ăn phải từ nơi cơ bản thiết thật của nó, không nên vì mê tín phi lý, vì háo danh muốn được tiếng khen mà ăn, hoặc sanh lòng kiêu mạn trở lại khinh người ăn mặn. Lại ăn chay phải hợp vệ sinh, biết chọn lựa thay đổi thức ăn, không nên ép xác cố ăn một cách quá kham khổ. Cũng không nên nấu chay giả thành đồ mặn mà làm trò cười cho thế gian.

---o0o---

Tiết III - Lời Phật Dạy Về Sự Đoạn Nhục Thực

Ngày nay tai nạn binh lửa lan tràn khắp thế giới, đó là do nghiệp sát của chúng sanh chiêu cảm. Vì thế nên cổ đức đã bảo: "Tất cả chúng sanh không nghiệp sát. Lo gì thế giới động đao binh!" Vậy muốn cho tai nạn chiến tranh tiêu giảm, không gì hơn dứt từ cái nhân của nó, nghĩa là mọi người đều nên ăn chay giới sát phóng sanh. Nhưng về việc này phận sự thì dễ nhận biết, phần lý ít người suốt thông. Bởi thế nhiều kẻ khi ăn chay giới sát phóng sanh, không thể phát tâm chí thành thương xót, nên công đức cũng vì đó mà trở thành kém ít. Vậy khi làm các điều thiện trên, hành giả phải nhận hiểu phần lý của nó như bốn điểm ở đoạn trước đã nói. Ngoài ra lại cần phải hiểu rằng: tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng trí huệ của Như Lai, nhưng vì bị nghiệp hoặc che lấp tánh diệu minh nên chìm đắm vào hàng dị loại, chỉ biết tìm cầu món ăn, tránh sợ cái chết mà thôi. Nếu những chúng sanh ấy ngày kia nghiệp chướng tiêu giảm, được nghe chánh pháp, đều có thể tiến tu và được thành quả Phật. Lại nên nghĩ: ta cùng tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong nẻo luân hồi, vì vô minh che lấp nên đối thay sanh sát lẫn nhau. Trong nhiều kiếp, các loài kia thường làm cha mẹ, anh chị em,

chồng vợ, con cái của ta; và ta cũng đã từng làm cha mẹ, anh chị em, chồng vợ, con cái của cái loài ấy. Chúng sanh kia do sức nghiệp ác hoặc ở cõi người, hoặc ở trong hàng dị loại, thường bị ta giết hại; ta cũng do sức nghiệp ác, hoặc ở cõi người, hoặc ở trong hàng dị loại, thường bị nó giết hại. Cảnh tượng sanh tương sát như thế đã diễn ra từ vô lượng kiếp chẳng biết chừng nào dứt, phạm phu vì mê nên không hiểu, nhưng Như Lai thì thấu suốt rõ ràng. Việc ấy nếu không nghĩ đến thì thôi, người biết nghĩ suy tất không xiết thẹn thường bị mẫn! Nay ta do túc phước được làm người, nên giải trừ oan kết, ăn chay giới sát phóng sanh; lại vì cứu độ mình và muôn loài, niệm Phật hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Xin dẫn một đoạn trong kinh Lăng Già về nhân duyên đoạn trừ nhục thực mà đức Thế Tôn đã dạy, để cho hàng Phật tử thêm sự suy gẫm trên bước đường ăn chay tu thiện:

"... Có vô lượng nhân duyên mà hàng Bồ Tát phải sanh lòng thương xót, không nên ăn tất cả các thứ thịt. Ta nay vì ông nói ra đây một phần ít:

- Nay Đại Huệ! Tất cả loài hữu tình từ vô thi đến nay ở trong vòng sống chết luân hồi vô tận, không có chúng sanh nào chẳng từng làm cha mẹ anh em con cái quyến thuộc, cho đến chủ tớ bạn bè thân thích lẫn nhau. Vậy đối với chúng sanh đã vì nghiệp lực phải chịu đọa làm thân thúy tộc, cầm thú, nữ nào bắt nó mà ăn thịt? Bậc Bồ Tát ma ha tát phải quán sát xem tất cả loài hữu tình đồng với thân mình, nên nghĩ các thứ thịt kia từ những sanh mạng biết vui khổ thương đau mà có, đâu nữa an nhiên mà ăn?

- Nay Đại Huệ! Các bạn La sát nghe ta nói điều này còn nên dứt trừ sự ăn thịt, huống nữa là người ưa vui theo đạo pháp? Trong mỗi đời, Bồ Tát quán thấy chúng sanh đều là quyến thuộc, thường nghĩ xem đồng như con, nên không ăn tất cả các thứ thịt. Những người bán các thứ thịt trâu bò chó ngựa heo dê nơi chợ phố hàng quán, vì tâm tham lợi nên tạo nghiệp giết hại; thịt là sở do của tâm hạnh tạp uế như thế, làm sao Bồ Tát nên thọ dụng?

- Nay Đại Huệ! Tất cả các thứ thịt đều là chất tinh huyết ô uế, người cầu thanh tịnh làm sao nên ăn? Kẻ ăn thịt, chúng sanh thấy đều sợ hãi, người tu từ tâm làm sao nên ăn? Khi gặp bọn thợ săn cùng kẻ hạ tiện làm nghề bắn giết, bẫy lưới tàn hại sanh linh, loài chó trông thấy kinh hãi sủa vang, tất cả cầm thú thấy đều dón dác trốn chạy. Sở dĩ như thế, bởi các chúng sanh ấy đều nghĩ rằng: những người này lộ vẻ hung ác dường như quý La sát, nếu ta đến đó tất bị bắt giết, vậy phải nên xa lánh là hơn. Cũng như thế, người ăn thịt thường bị chúng sanh ghét sợ xa lánh. Vì lẽ đó, bậc Bồ Tát tu hạnh từ bi không nên ăn thịt.

- Nay Đại Huệ! Kẻ ưa ăn thịt, thân thể hôi nheo, tiếng dữ đồn xa, người lành bậc hiền thánh không thích gần gũi, vì thế Bồ Tát không nên ăn thịt. Huyết nhục là chất chúng Tiên từ bỏ, các Thánh chẳng ưa, bởi thế Bồ Tát không nên thọ dụng. Bồ Tát vì tâm từ mẫn, vì giữ gìn lòng tin của chúng sanh khiến cho Phật pháp không bị chê bai, nên không ăn thịt. Nếu đệ tử của ta ưa ăn thịt, sẽ bị người tục đem lòng khinh báng nói rằng: Tại sao hàng Sa môn tu nghiệp thanh tịnh, lại không bằng hạnh trong sạch của thiên tiên, mà như ác thú mang đầy bụng thịt cá đi dạo thế gian, làm cho chúng sanh thấy đều ghét sợ? Và như thế là kẻ ấy đã phá hạnh thanh tịnh, mất đạo Sa môn, thiếu tư cách để điều phục người. Cho nên, Bồ Tát vì lòng từ mẫn, muốn nhiếp hộ mọi người khiến cho không sanh tâm niệm ấy, chẳng thọ dụng đồ huyết nhục.

- Nay Đại Huệ! Như khi thiêu người chết cùng thiêu thịt của loài vật, cả hai mùi khí vị không tinh sạch đồng như nhau, tại sao trong ấy thịt người không ăn, lại ăn thịt loài vật? Vì thế, người ưa hạnh thanh tịnh không nên ăn thịt. Các hàng thiện nam thiện nữ tu hành khổ nhọc chôn a lan nhã, hoặc trụ nơi từ tâm, hoặc trì chú thuật, hoặc cầu giải thoát, hoặc hướng về đại thừa, nhưng vì bởi còn ăn thịt nên bị nhiều sự chướng ngại, công hạnh không được thành tựu. Cho nên Bồ Tát nếu muốn được lợi mình và lợi ích cho chúng sanh, quyết không nên ăn thịt.

- Nay Đại Huệ! Kẻ ưa ăn thịt khi thấy hình dáng loài vật đã sanh tâm thèm mùi vị. Bậc Bồ Tát phải thương nghĩ chúng sanh cũng như mình, tại sao vừa thấy hình đã muốn ăn thịt? Bởi thế, Bồ Tát phải dứt trừ nhục thực. Người ăn thịt thì nơi miệng thường hôi nên chớ thiên lánh xa, hằng bị Dạ xoa ác quỷ đoạt mất tinh khí. Kẻ ấy giấc ngủ không yên, khi tỉnh dậy lo lắng, tâm nhiều sợ hãi; do tham ăn không biết vừa đủ, nên thêm nhiều tật bệnh, dễ sanh ghẻ độc, bị các loài tế trùng cắn đúc, mà cũng vẫn không biết chán nhàm.

- Nay Đại Huệ! Ta thường bảo: ăn thịt chúng sanh chẳng khác chi ăn thịt con mình, vậy đâu phải thật Như Lai hứa cho đệ tử ăn thịt? - Thịt chẳng phải thơm ngon, thịt không tinh sạch, ăn thịt sanh nhiều tội ác, làm hư các công đức, bị chư Tiên Thánh rời bỏ, làm sao Như Lai lại hứa cho đệ tử ăn thịt? Bởi thế, kẻ nào nói Như Lai chấp nhận cho đệ tử ăn thịt, tức là phi báng ta.

- Này Đại Huệ! Nên biết thức ăn thanh tịnh là những thứ như: lúa, nếp, đậu, bắp, đường, tồ du... Các thứ ấy chư Phật đời quá khứ đã hứa cho, ta nay cũng khuyên bảo như vậy".

---o0o---

Tiết IV - Mấy Lời Khuyên Của Cổ Đức

Như trên, đức Phật đã nói có nhiều nhân duyên không nên ăn thịt chúng sanh, và bảo hàng đệ tử nên dùng những chất thanh đạm. Từ xưa đến nay về việc này, chư cô đức khuyên dạy cũng đã nhiều. Nơi đây, xin tạm dịch lời văn phóng sanh của Liên Trì đại sư, để cho người học Phật thêm rõ điều nhân quả trong việc ăn chay giới sát. Văn rằng:

Thảng nghe: Thế gian rất quý trọng không chi hơn thân mạng. Thiên hạ cực đau thảm chẳng gì bằng sát sanh.

Cho nên, gặp bắt liền trốn chạy, loài rận rệp còn biết thương thân. Sắp mưa đã dòi đi, lũ kiến bọ vẫn tham cuộc sống.

Thế sao, lưới nơi vực, bẫy trên non, nhiều phương đuổi bắt. Lại nữa, cong thì câu, thẳng thì bắn, trăm kế sẵn tìm?

Khiến nên phách lạc hồn bay! Xui nỗi mẹ lìa con mất!

Hoặc giam nơi lồng chậu, như bỏ chôn ngục tù. Hoặc chặt bằng thớt dao, khác nào bị hình lục.

Nai thương con dại, liếm vết thương mà ruột đứt từng phân! Vượn sợ bày chia, trông cung uôn mà đôi hàng rỏ lệ! (1)

Cậy ta mạnh mẽ hiệp kia ngu yếu, lý có hợp chăng? Thịt nó ăn để mình tự bỏ thân, lòng sao vội nở?

Bởi thế đất trời thương cảm. Cho nên hiền thánh hành nhân.

Mở lưới, ân rộng thuở Thành Thang. Nuôi cá, đức lập từ Tử Sản. (2)

Lưu Thủy đã nên thánh triết, tưới nước xuân nhuận cảnh khô khao.

Thích Ca rõ thật từ bi, cắt thịt quý cứu con nguy nạn. (3)

Thiên Thai Trí Giả đào ao phước để phóng sanh. Đại Thọ Tiên nhơn hộ chim lành nơi định thể. (4)

Thả lân trùng mà đặc độ, Thọ thiên sư gương ưu ái hãy còn. Cứu Long tử được truyền phương, Tôn chơn nhơn dấu từ bi chữa mắt. (5)

Một phen vớt kiến, Sa di cải mạng vấn thành thọ cao, Thơ sanh đổi danh hèn lên thượng bạng. Giây phút mua rùa, Mao Bảo nơi cảnh nguy mà thoát nạn, không Du từ tước mọn đến phong hầu. (6)

Khuất sư thả cá ở Nguyên thôn, thọ tặng một kỷ. Tùy hầu cứu rắn nơi Tề dã, châu trả nghìn vàng. (7)

Cứu trạnh lớn chốn nhà tù, ả tỳ tử khỏi con dịch bệnh. Vớt lẩn xanh nơi hũ rượu, gả tử sinh được miễn gia hình. (8)

Đổi vật mạng chốn nhà đờ, Trương đề hình hồn siêu thiên giới. Chuộc sanh linh nơi thuyền lưới, Lý Cảnh Văn giải độc đơn sa. (9)

Tôn Lượng Tự cứu nguy loài lông cánh, khi thợ chung chim đắp mả mồ. Phan huyện đường lịnh cấm lưới sông hồ, lúc thuyền chúc cá rền khóc cảm. (10)

Tín lão bãi sanh tế kẻ ngu dân, điềm bay cam vũ. Tào khê mở lưới săn người lạp tử, đạo khắp thân châu. (11)

Chim sẽ biết ngậm vành mà báo ân. Loài chồn hay đến giếng để truyền thuật. (12)

Cho đến thân tàn được sống, rết đeo vách trắng để nghe kinh. Cảnh nạn cầu sanh, lương hiện áo vàng mà báo mộng. (13)

Thế nên ra ơn có trả, chuyện xưa há phải vô bằng. Rõ ràng mắt thấy tai nghe, việc trước còn ghi sử sách.

Khấp nguyên khi thấy vật loại, phát lòng từ bi; bỏ tiền của không bèn, làm việc lành có ích.

Nếu ra ơn cho nhiều mạng, thì chừa lớn âm công. Hoặc làm phước cứu một con, cũng vẫn là việc tốt.

Như thế ngày thêm thán góp, hạnh cả đức to. Chùng ấy lành khắp nhơn hoàn, danh thông thiên phủ.

Rửa tiêu oan chướng, thụy trung đã dẹp đời nay. Bồi đắp thiện căn, phước báo còn tươi kiếp khác.

Nếu lại giúp xung hiệu Phật, thêm tụng văn kinh. Để vì hồi hướng Tây Phương, khiến chúng xa lìa ác đạo.

Thì chỗ dụng tâm càng lớn, trồng đức càng sâu. Đạo nghiệp nhờ đó mà mau thành, liên đài sẽ sanh lên phẩm thượng vậy.

(Chú thích: 1- Hứa chơn quân lúc trẻ tuổi ưa đi săn. Một hôm, ông bắn trúng con nai nhỏ, nai mẹ vội chạy đến liếm vết thương, giây lâu thấy không còn sống được, cũng ngã ra chết. Chơn quân lấy làm lạ, mở bụng nai mẹ ra xem, thấy ruột đứt từng phân đoạn, biết rằng vì thương con thái quá, đến đứt ruột mà chết. Ông rất hối hận, tự thiết trách mình, rồi bẻ cung tên, bỏ nhà vào núi tu hành, sau được thành tiên.

Sở vương cùng người tôi thân tín là Dương Do Cơ đi săn. Vua gặp một con vượn rất to, bảo Do Cơ bắn. Vượn trông thấy Do Cơ liền sa nước mắt. Bởi loài vượn này rất tinh khôn lanh lẹ, có thể bắt được tên bay, nhưng lại gặp Do Cơ là tay thần xạ, nó biết mình tất sẽ chết, nên mới bi thương rơi lệ.

2- Vua Thành Thang đòi nhà Thương cùng bầy tôi xuất du, gập bọn thợ săn bủa lưới bốn mặt, vái rằng: "Từ hư không bay xuống. Từ hang bụi chạy ra. Từ bốn phương chọt đến. Đều sa vào lưới ta!" Vua liền bảo từng nhơn mở ba mặt lưới, rồi vái lại rằng: "Muốn sang tả thì sang. Muốn qua hữu thì qua. Muốn bay lên thì bay. Muốn thoát ra thì ra. Loài nào không thiết sống. Mớ vào lưới của ta!"

Thầy Tử Sản khi làm quan Đại phu nước Trịnh, có người thường đem cho loại cá thịt ngon, còn sống. Ông không nỡ ăn, bảo người nhà thả xuống ao để nuôi. Điều này cho ta thấy việc phóng sanh chẳng những riêng Phật giáo, mà bậc quân tử bên Nho giáo cũng phụng hành.

3- Trong kinh Kim Quang Minh, Trưởng giả Lưu Thủy, một tín đồ nhà Phật, mùa nắng ra ngoài chơi. Đến một nơi, ông thấy có ao nước gần cạn, trong ấy các loài cá hơn vạn con ở trong cảnh nguy ngập sắp chết. Ông vội trở về, dùng voi chở nước đem đến đổ đầy ao. Kế đó, Trưởng giả lại vì nó thuyết pháp khiến cho hoan hỷ. Loài cá này nhờ nghe pháp diệu, đều xả mạng được sanh lên cõi trời.

Đức Thích Ca Mâu Ni thuở tiền thân tu Bồ Tát hạnh, có một kiếp làm vị quốc vương. Trời Đế Thích muốn thử lòng Bồ Tát, mới hóa làm chim ó bay đuổi bắt con bồ câu. Thấy bồ câu bay vào lòng quốc vương lánh nạn và được che chở, chim ó nói: "Ông vì lòng từ bi muốn cứu nó, tại sao lại nỡ để cho tôi chết?" Vua hỏi: "Người muốn ăn những gì?" Chim ó đáp: "Tôi muốn dùng thịt. Xin ông thường tôi số thịt bằng cân lượng của chim bồ câu". Vua liền bảo đem cân ra, và tự cắt thịt để đên, nhưng do sức thần thông của Đế Thích, vua cắt hết thịt nơi thân mà đĩa cân bên chim bồ câu vẫn nặng hơn. Thấy vua sắp chết, chim ó hỏi vua có hối hận không? Vua đáp: "Ta tu hạnh Bồ Tát vì cứu độ chúng sanh, chẳng có một mảy niệm hối hận. Nếu như lời này không hư dối, xin cho thân thể nguyên lành như cũ". Sau lời thệ nguyện ấy trời đất rung động, thân thể nhà vua liền được phục nguyên. Trời Đế Thích kinh hãi, hiện thân sám hối và lễ bái khen ngợi.

4- Trí Khải đại sư ở núi Thiên Thai, được Dương Đế nhà Tùy vì mến danh đức, thụy phong là Trí Giả. Đại sư đào nhiều ao lớn để phóng sanh, nhà vua sắc chỉ xuống quan địa phương cấm không cho dân câu lưới ở các nơi đó.

Theo trong kinh, thuở nhơn thọ sống đến hai muôn tuổi, có một vị tiên nhơn ngồi nơi gốc cây nhập định. Vì ngồi lâu ngày rễ cây phủ xuống thân, chim đến làm ô nơi lòng. Sợ chim kinh hãi, tiên nhơn ngồi yên không động, chờ nó dời đi nơi khác mới xuất định.

5- Vĩnh Minh thiên sư, húy là Diên Thọ, khi chưa xuất gia làm chức Khổ lại ở huyện Dư Hàng, triều Ngô Việt Vương. Ngài thường lấy tiền kho mua tôm cá để phóng sanh. Sau việc phát giác ra, bị ghép vào tội hành hình nơi chợ. Trước khi gia hình, vua dặn quan giám sát xem ngài có đổi sắc không rồi trở lại phúc tâu. Được biết ngài vẫn an nhiên, vua cho vờ đến hỏi duyên cớ, ngài tâu rằng: "Thần lấy tiền kho không phải để dùng riêng mà vì cứu độ sanh mạng. Giả sử thân này có mất, linh thức cũng nhờ đó được sanh về Cực Lạc; như thế chẳng là vui hơn ư!" Vua nghe tâu, tha cho về. Từ ấy ngài xuất gia, sau ngộ đạo trở thành bậc danh đức.

Tôn chơn nhơn khi chưa thành tiên, một hôm xuống núi gặp mây đưa trẻ bắt con rắn lạ đem căng ra chơi, xem con vật tình thế nguy khôn sắp chết. Chơn nhơn lấy tiền chuộc rắn, đem thả xuống nước. Sau khi đó, ông gặp đồng tử áo xanh thỉnh đến một công phủ, hỏi ra là cung Thủy tinh. Bên trong một vị vương giả bước ra đón chào, rước vào mời ngồi nơi bảo tọa, rồi thưa rằng: "Gia nhi hôm trước đi dạo chơi, ngẫu nhiên mắc nạn, nếu chẳng gặp được tiên sanh chắc là tánh mạng không còn!" Nhân bày yến tiệc thiết đãi, lại đem ra các thứ châu báu để đền ơn. Chơn nhơn tạ từ không nhận, và nói: "Tôi nghe ở long cung có nhiều bí phương. Nếu có thể, xin truyền cho tôi đem cứu đời còn quý hơn là châu ngọc". Vương giả liền trao cho một bảo cấp, trong ấy có 36 thần phương. Nhờ đó, chơn nhơn y thuật càng tinh, sau chứng được tiên phẩm.

6- Thuở xưa, có ông Sa di theo hầu vị A la hán. La hán biết Sa di bảy ngày nữa sẽ mạng chung, liền cho về nhà viếng thăm cha mẹ. Tám hôm sau, ông Sa di bình yên trở lại. Vị La hán lấy làm lạ, nhập định để xem xét, thấy khi ông trở về nửa đường có dùng áo ca sa vớt một bầy kiến đang bị khôn giữa dòng nước, liền biết sở dĩ đệ tử mình được tăng thọ là do nhờ duyên phước đó. - Lại một chuyện: Tống Giao và Tống Kỳ, hai anh em đồng đi thi. Một hôm trời mưa, Tống Giao thấy vô số kiến bị nước cuốn sắp trôi vào lỗ hũng, liền lấy cộng trúc ngăn lại, bắc thành cầu để cho nó bò lên chỗ khô. Trước khi vào thi, Giao gặp vị Tây tăng xem tướng và nói: "Đường như ông đã vừa cứu vài trăm muôn sanh mạng thì phải?" Giao từ tốn bảo mình nghèo, không có năng lực làm được việc công đức ấy. Vị tăng nói: "Chẳng phải thế đâu! Loài vật dù nhỏ cũng đều là sanh mạng". Giao

đem việc cứu kiến ra thưa lại. Vị tăng bảo: "Đúng như thế! Kỳ thi này lệnh đệ sẽ đứng đầu hàng sĩ tử, còn địa vị của ông cũng không kém hơn đâu!" Quả nhiên, sau khi kiểm danh, Tống Kỳ đỗ Trạng nguyên, Tống Giao vào hàng thứ mười. Nhưng triều đình cho rằng em không nên đứng trước anh, đổi Tống Kỳ đỗ hàng thứ mười, Tống Giao lên hàng đệ nhất.

Mao Bảo khi còn hàn vi, đi đường gặp người mang một con rùa, liền mua mà phóng sanh. Sau ông làm tướng ra trận bị thua, té xuống sông bị nước lôi cuốn sắp chết chìm. Đang lúc nguy cấp, ông cảm thấy có con gì đỡ chân mình đưa sang bờ bên kia. Chừng lên bờ, xem lại thì là một con qui rất lớn đang quay mình bơi đi. - Lại một chuyện: Khổng Du trước là một quan chức nhỏ, thường mua rùa để thả. Mỗi lần phóng sanh, rùa đều quay đầu lại ngó chừng ông, rồi sau mới lần bơi đi xa. Về sau Khổng Du nhờ may mắn lập nhiều công trạng, nên được phong hầu. Khi đúc ấn, thì hình con rùa trên ấn quay đầu lại, phá hủy đến bốn năm khuôn để đúc lại, cũng vẫn y như trước. Thợ đúc ấn kinh ngạc, đem việc ấy thưa lên Khổng Du. Ông suy nghĩ bỗng nhớ lại việc xưa, và hoảng nhiên biết mình được phong hầu hôm nay là do nhờ phước báo của sự thả rùa khi trước.

7- Khuất sư ở Nguyên thôn gặp người lưới được một con cá lý đồ, liền mua mà phóng sanh. Sau ông nằm mộng thấy Long vương mời đến thủy cung, bảo: "Thọ số của ông vốn đã mãn, nhưng nhờ công đức cứu rỗi, nên được tăng một kỷ".

Tùy hầu đi qua nước Tề, giữa đường gặp một con rắn bị khỏ ở bãi cát, đầu có máu chảy, xem dường như kiệt sức. Ông liền lấy gậy vít thả nó xuống nước, rồi bỏ đi. Khi trở về đến chỗ ấy, ông thấy rắn ngậm hạt châu bò đến trạng như muốn hiến dâng, song vì sợ nên không dám lại lấy. Đêm đến Tùy hầu nằm mộng thấy chon đạp một con rắn, kinh hãi tỉnh giấc, tìm được bên mình hai hạt châu sáng rỡ.

8- Có nhà họ Trình tánh ưa an thịt loài rùa trạnh. Một hôm nhà này mua được con trạnh rất lớn, bảo người tớ gái đem giết để làm thức ăn. Đứa tớ thấy con trạnh lớn có ý hơn sợ, liền đem thả nơi ao. Khi chủ nhà về thấy món ăn không có thịt trạnh, gạn hỏi, đáp là vì hơ hỏng để nó bò đi mất, do đó bị một trận đòn nên thân. Sau đứa tớ gái mang bệnh dịch nặng, người nhà khiêng đến thủy các để chờ cho chết. Đêm ấy có con vật từ dưới ao bò lên mang bùn ướt đắp trên mình đứa tớ gái, nhờ đó sức nhiệt độ tiêu trừ, bệnh được thuyên giảm. Sáng ra người chủ thấy đứa ở chưa chết, vẻ mặt lại tươi tỉnh, lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Cô tớ gái không dám giấu, đem sự thật thưa

lại. Chủ không tin, đến đêm rình xem, thấy chính là con trạch đã thất lạc khi trước. Cả nhà kinh ngạc than thở, từ đó không ăn thịt loài rùa trạch nữa.

Một anh chàng nấu rượu, mỗi khi có con lằn xanh sa vào hũ rượu liền vớt ra để chỗ đất khô, lại lấy tro đắp lên mình. Tro rút nước, con lằn được sống. Như thế lâu ngày, anh cứu loại lằn xanh rất nhiều. Sau có người đem tội trộm vu báng, anh không thể tự biện bạch, sắp bị gia hình. Khi quan chánh án cầm bút muốn phê quyết, thì có nhiều lằn xanh bay đến bu đậu vào ngòi, đuôi xong, nó bay lại như cũ, không xuống bút được. Viên chánh án nghi có chuyện oan ức, cho đòi người vu báng đến gạn hỏi nhiều cách; kết cuộc kẻ ấy phải thú nhận chính mình là thủ phạm, và anh nấu rượu được tha về. Việc này đồn ra, ai nấy đều lấy làm lạ.

9- Quan Đề hình họ Trương thường đến nhà đồ mua vật mạng để phóng sanh. Đến sau, lúc lâm chung, ông bảo người nhà rằng: "Ta nhân cứu nhiều vật mạng, chứa phước đức đã sâu dày. Nay có chư thiên đến rước, ta sắp sanh về cõi trên". Nói xong, an nhiên mà qua đời.

Lý Cảnh Văn thường đến thuyền lưới mua loài thủy tộc để phóng sanh. Ông vốn ưa đạo tiên, thường luyện chất đơn sa để uống. Nhân đó tích nhiệt thành bệnh, phát ung thư nơi lưng, không thuốc nào trị được, sắp chết. Một hôm, trong lúc mơ màng, ông thấy có loài cá đến rút chất độc, nhả nhớt mát vào chỗ đau; khi tỉnh dậy thấy trong người mát mẻ thơi thới, bệnh lần lần lành.

10- Tôn Lương Tự khi gặp loài chim bị lưới bắt, liền mua mà thả. Sau khi chết, vì nghèo nên không có quan quách tẩm liệm. Lúc ấy có vô số chim bay đến, ngậm đất đắp thành mồ. Người xung quanh đều kinh hãi khen ngợi, cho là do đức từ chiêu cảm.

Phan Công khi làm huyện lệnh, cấm không cho dân chùng vào những sông hồ trong vùng câu lưới cá, kẻ nào trái phạm liền bắt gia tội. Sau ông đi trấn nhậm nơi khác, dân trong huyện nghe dưới nước có tiếng rền rĩ như khóc than luôn cả mấy ngày. Ai nấy đều than thở cho là chuyện lạ.

11- Nhân lúc trời khô hạn, Hoàng Tín đại sư thấy dân muốn sát sanh để đảo võ, thương xót cho thói mê tín, đến nơi bảo: "Nếu các ngươi không sát sanh cúng tế, ta sẽ cầu mưa giùm cho". Dân chúng hứa nhận, Đại sư tinh thành cầu đảo, mưa lớn xuống nước đầy đồng. Do đó người gần xa đều cảm hóa.

Lục tổ khi được truyền y bát ở Hoàng Mai, vì cơ duyên chưa đến, mặc đồ thế tục ở ẩn trong bọn người săn bắn. Thợ săn bảo ngài giữ lưới để họ đi đuôi thú. Ngài nhân lúc họ đi vắng mở lưới thả bớt rất nhiều, như thế luôn cả 16 năm. Sau Tổ mở đạo tràng ở Tào Khê, đức cao vọng trọng, độ người vô số, đạo pháp chia thành năm tông.

12- Dương Bảo khi còn thơ ấu, thấy chim sẻ vàng bị chim cắt đánh rơi xuống đất, lại bị loài kiến làm khốn, liền đem vào nhà nuôi nấng, đợi cho lành mạnh mới thả đi. Ít lâu sau, ông nằm mộng thấy đồng tử áo vàng đến bái tạ, tặng cho bốn vòng ngọc, và bảo: "Tôi là sứ giả của Tây vương mẫu, nhờ ngài cứu mạng nên đền tạ ơn. Nguyên cho con cháu của ngài hiền lương, lên ngôi tam công, như những chiếc vòng này vậy". Quả nhiên về sau dòng dõi của ông được quý hiển đến bốn đời.

Một ông đạo nghe nói ăn củ Huỳnh tinh có thể sống lâu, muốn thí nghiệm, để nhiều Huỳnh tinh dưới giếng khô, dụ người xuống giếng, rồi rút mất thang dây, đập nắp giếng lại chỉ chừa một lỗ thông hơi. Người nọ trong lúc nguy nan vô kế, chợt thấy một con chồn ló đầu xuống bảo: "Đừng lo sợ, tôi sẽ có cách cứu ông. Loài chồn chúng tôi khi học phép thông thiên đào huyết nơi gò mả, rồi nằm dưới đáy huyết tụ thần chăm chỉ ngó ngay miệng hang, lâu lâu thân hình tự nhiên bay ra khỏi mặt đất. Trong Tiên kinh gọi "thân hay đưa hình bay đi" chính là phép này. Vậy ông nên quên hết mọi duyên chỉ chăm chú nhìn nơi lỗ thông hơi, tự sẽ được thoát nạn. Khi trước tôi bị thợ săn bắt, nhờ ông chuộc đem thả, nên nay đến báo ơn". Người ấy làm y lời, hơn một tuần sau, thân hình bay ra khỏi giếng. Ông đạo trông thấy rất mừng, cho đó là sự ứng nghiệm của vị Huỳnh tinh, đem một mớ củ này xuống giếng, ước với các đồng bạn sau một tháng sẽ mở nắp giếng ra. Tới kỳ, đồng bạn đến xem thì ông đã chết mất.

13- Liên Trì đại sư một hôm đi dạo bên ngoài, thấy có người bắt mấy con rết, dùng những mảnh tre mỏng uốn cong lại căng đuôi đầu. Đại sư liền chuộc mà thả, thì duy có một con còn mạnh chạy đi, kỳ dư đều ngất ngư muốn chết. Sau ban đêm đại sư ngồi nói chuyện với người bạn trong am, có một con rết bò nơi vách kê bên mình. Ngài dùng cây thước gõ mạnh nhiều lần ra ý đuôi, song nó vẫn ở mãi không chịu đi. Đại sư trực nhớ lại việc trước, liền bảo: "Có phải khi xưa người nhờ ta cứu mạng, nên đền đây tạ ơn chăng? Nếu quả thế, hãy lặng yên nghe ta thuyết pháp để được siêu thoát". Liên thuyết rằng: "Tất cả hữu tình, do tâm tạo ra. Tâm hung dữ hóa ra cạp sói, tâm sân độc hóa thành rắn rết. Người hãy trừ tâm nóng độc, tất sẽ thoát được thân hình này!" Nói xong bảo đi, thì không đợi xua đuôi mà nó lần lần

bò ra cửa sổ. Người bạn mục kích cảnh tượng ấy, kinh ngạc cho là việc hy hữu.

Hồ Dĩ Can ở Hàng Châu, nhân người hàng xóm bị trộm, sai con gái đến thăm và cho một rổ lươn. Ông hàng xóm tiếp nhận đem rộng vào chiếc hũ lớn, lâu ngày rồi quên đi. Một đêm người ấy nằm mộng thấy có mười vị mặc áo vàng, đội mũ nhọn, đến quì xin cứu mạng. Thức dậy trong lòng nghi sợ đến hỏi thầy bói, được quẻ ứng rằng: "Đó là có loài vật muốn cầu phóng sanh, nên trở về tìm trong nhà sẽ biết". Người hàng xóm về nhà tìm trong hũ, thấy có rộng mấy con lươn vàng lớn, đem ra đủ mười con. Ông ta kinh hãi, liền đem thả hết. Đây là sự việc trong năm Vạn Lịch thứ chín, đời nhà Minh.

---o0o---

Hết